

Bản án số: 283/2022/HC-PT
Ngày: 23-12-2022
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Trường
ông Nguyễn Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 211/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HC- ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 385/2022/QĐPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Phạm C, sinh năm 1941; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1976; địa chỉ: tỉnh Đăk Nông, có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tự Công H - Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tôn T - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Bình Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Thúy N, sinh năm 1946,

3. Bà Phạm Thị Trà M, sinh năm 1977,

Cùng địa chỉ: phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà M: ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1976; địa chỉ: tỉnh Đăk Nông, có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Phạm C trình bày:

Ngày 28/8/1963, ông Phạm Viết T (do ông Phạm H Kế P) được Ty điền địa Bình Định cấp 1720m², loại đất thổ cư, tại thôn L, xã P, huyện T (nay là phường N, thành phố Q) gia đình đã xây nhà ở năm 1963 cho đến nay. Ông Phạm Viết T là ông nội của ông Phạm H, ông Phạm H là cha của ông C. Sau khi ông Phạm H qua đời để lại thửa đất này cho ông Phạm C sử dụng. Ông Phạm C được UBND thành phố Q xét cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và cấp GCNQSDĐ ngày 23/12/1997 với tổng diện tích được giao 2.449,8m², gồm 3 thửa đất: Thửa 163, tờ bản đồ 64, diện tích 561,3m², mục đích sử dụng: 2L (hai lúa); Thửa 238, tờ bản đồ 64, diện tích 964,5m², mục đích sử dụng: 2L (hai lúa); Thửa 164, tờ bản đồ 64, diện tích 924m², mục đích sử dụng: M (Màu). Thực tế trên thửa đất 164, tờ bản đồ 64 có ngôi nhà của ông Phạm C. Sau đó, ngày 18/5/2018, UBND thành phố Q đã điều chỉnh GCNQSDĐ của hộ ông Phạm C được sử dụng thửa 164, tờ bản đồ 64, diện tích 924m², mục đích sử dụng loại đất màu thành diện tích 1.724m², loại đất màu. Đồng thời, gia đình ông Phạm C được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 29/10/2018 đối với diện tích 200m², trong đó 150m² đất ở và 50m² đất trồng cây hàng năm khác, diện tích còn lại đất màu. Thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở xã hội phường N, thành phố Q, hộ ông Phạm C bị thu hồi trắng tại thửa đất 164, tờ bản đồ số 64. Nhà nước bồi thường cho ông Phạm C không đúng loại đất theo chứng thư kiến điền, bản đồ kỹ thuật, biên bản đóng thuế hàng năm. Vì toàn bộ thửa đất 164, tờ bản đồ 64 là đất ở nhưng Nhà nước đền bù không đúng đất ở, nên ông Phạm C không đồng ý và làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh và các cơ quan khác, được Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021, Ông không đồng ý.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định V/v giải quyết khiếu

nại của ông Phạm C. Địa chỉ: Tổ 17, khu vực 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định do người đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Tự Công H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trình bày:

Nguyên ông, bà Phạm C có tạo lập một thửa đất số 226, tờ bản đồ số 1, diện tích 1720m², tại thôn L, xã P, huyện T (nay là phường N, thành phố Q), được Ty điền địa Bình Định cấp chứng thư kiến điền vào ngày 20/8/1963 cho ông Phạm Viết T (do ông Phạm H Kế P), loại đất thổ cư. Ông Phạm Viết T là ông cố nội của ông Phạm C, ông Phạm H là cha của ông C. Sau khi ông Phạm H qua đời để lại thửa đất này cho ông Phạm C sử dụng. Hộ gia đình ông Phạm C là hộ nông nghiệp nên được UBND thành phố Q xét cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và cấp GCNQSDĐ ngày 23/12/1997, với tổng diện tích được giao 2.449,8m², gồm 3 thửa đất: Thửa 163, tờ bản đồ 64, diện tích 561,3m², mục đích sử dụng: 2L (hai lúa); Thửa 238, tờ bản đồ 64, diện tích 964,5m², mục đích sử dụng: 2L (hai lúa); Thửa 164, tờ bản đồ 64, diện tích 924m², mục đích sử dụng: M (Màu). Thực tế trên thửa đất 164, tờ bản đồ 64 có ngôi nhà của ông Phạm C, do có sự nhầm lẫn trong quá trình biên tập đã ghi sai về diện tích và loại đất nên các cơ quan chức năng đã tổ chức làm việc, cùng thống nhất với ông Phạm C vào ngày 20/4/2018. Trên cơ sở đó, ngày 18/5/2018, UBND thành phố Q đã điều chỉnh GCNQSDĐ của hộ ông Phạm C được sử dụng thửa 164, tờ bản đồ 64, diện tích 924m², mục đích sử dụng loại đất màu thành diện tích 1.723m², loại đất vườn. Đồng thời, gia đình ông Phạm C được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 29/10/2018 đối với diện tích 200m² còn lại của thửa đất 164, tờ bản đồ 64, trong đó 150m² đất ở (diện tích thực tế đã xây dựng là 133,3m²) và 50m² đất trồng cây hàng năm khác. Thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở xã hội phường N, thành phố Q, hộ ông Phạm C bị thu hồi thửa đất 164, tờ bản đồ số 64 được UBND phường N xác nhận nguồn gốc đất tại Văn bản số 297/UBND-ĐC ngày 22/10/2019 như sau:

Theo hồ sơ kỹ thuật đo đạc năm 1997 có số thửa 164, tờ bản đồ 64, diện tích 1.924,8m², do ông Phạm C đứng tên chủ sử dụng. Theo hồ sơ kỹ thuật đo đạc hiện trạng năm 2019, thửa đất số thửa 164, tờ bản đồ chỉnh lý số 1 (Bản đồ địa chính tờ số 64), loại đất ODT +BHK, tổng diện tích 1.924,8m², hộ thuộc diện giải tỏa trắng về đất ở, nhà ở (trên thửa đất này có ngôi nhà của ông Phạm C) được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số CH04074 ngày 29/10/2018 (trong đó 150m² đất ở và 50m² đất trồng cây hàng năm khác) và GCNQSDĐ số

00402 QSDĐ/1147/QĐ-UB ngày 23/12/1997 (trong đó thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64 ghi nhận 1.724m² diện tích đất vườn thừa).

Căn cứ theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường N, Hội đồng lập phương án tính toán bồi thường hỗ trợ và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ tại Quyết định số 3926/QĐ-UBND ngày 23/9/2020, theo đó hộ ông Phạm C (vợ là bà Lê Thị Thúy N) được bồi thường hỗ trợ với tổng kinh phí là 3.434.213.706 đồng, cụ thể: Bồi thường 150m² đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh 150m² x 2.500.000 đồng/m² = 375.000.000 đồng. Bồi thường 50m² theo giá đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở theo quy định tại khoản 9 Điều 40 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh 50m² x 370.000 đồng/m² = 18.000.000 đồng; Bồi thường 1.724m² giá đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở theo quy định tại khoản 9 Điều 40 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh: 1.724m² x 370.000 đồng/m² = 637.954.000 đồng; Hỗ trợ thêm 50% giá đất ở cụ thể phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 9 Điều 40 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh: 500m² x 1.250.000 đồng/m² = 625.000.000 đồng; Bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc: 795.958.906 đồng; Bồi thường cây cối hoa màu: 153.776.000 đồng; Các khoản hỗ trợ khác như hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm; hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ di chuyển tài sản; hỗ trợ tiền trong thời gian xây dựng, sửa chữa nhà và thưởng đẩy nhanh tiến độ, với tổng số tiền là 823.024.800 đồng. Đối với việc ông Phạm C đề nghị xem xét bồi thường nhà cổ, Ban giải phóng mặt bằng đã kiểm kê bổ sung vào ngày 02/12/2020 và lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung vào ngày 02/12/2020 và lập Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 25/02/2021, tổng số tiền bổ sung là 102.548.000 đồng.

Hộ ông Phạm C được giao 02 lô đất ở với tổng diện tích 200,6m², tổng số tiền nộp là 568.468.000 đồng, cụ thể: Lô số 01, khu TĐC-01, đường lộ giới 13m, diện tích 128,6m² số tiền phải nộp là 370.368.000 đồng (giá tái định cư 2.400.000 đồng/m² x 1,2 hệ số góc = 2.800.000 đồng/m². Lô số 02, khu TĐC - 01, đường lộ giới 13m, diện tích 72m² số tiền phải nộp là 198.100.000 đồng (21,4m² thu tiền theo giá tái định cư 2.400.000 đồng/m²; 50,6m² thu tiền theo giá thị trường 2.900.000 đồng/m²).

Không đồng ý với việc bồi thường nêu trên, ông Phạm C có đơn khiếu nại yêu cầu tính toán bồi thường về đất ở cho hộ ông theo Chứng thư kiến diên được quy định tại khoản 5 Điều 5 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh.

Qua kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc, kết quả đối thoại với ông Phạm C và đề xuất của Chánh thanh tra tỉnh tại văn bản số 183/TTT-P3 ngày 29/3/2021 và văn bản số 230/TTT-P3 ngày 19/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm C, với nội dung: “Giữ nguyên chủ trương không giải quyết bồi thường theo luật đất ở đối với toàn bộ diện tích đất

tại thửa 164, tờ bản đồ số 64, phường N, thành phố Q của hộ ông Phạm C do ảnh hưởng dự án xây dựng khu nhà ở xã hội phường N, thành phố Q, vì hộ gia đình ông Phạm C là hộ nông nghiệp được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Ngày 23/12/1997, UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phạm C trong đó có thửa 164, tờ bản đồ số 64, diện tích 1924,8m² (trên thửa đất này có ngôi nhà của ông Phạm C) và cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Phạm C vào ngày 29/10/2018, diện tích 200m², trong đó 150m² đất ở (diện tích thực tế đã xây dựng là 133,3m²) và 50m² đất trồng cây hàng năm khác. Do đó, việc tính toán bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ ông Phạm C là căn cứ vào các GCNQSDĐ để tính toán bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ ông Phạm C là đúng theo quy định tại Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

UBND tỉnh khẳng định Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với ông Phạm C là đúng quy định pháp luật. Việc ông Phạm C yêu cầu hủy Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q, người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Tôn Thanh-Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q trình bày:

Theo biên bản xét cấp GCNQSDĐ ngày 16/12/1997 do Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã N lập; Theo tờ trình số 38/TT-UB ngày 17/12/1997 về việc cấp GCN giao QSDĐ; Theo Quyết định số 1147/QĐ-UB ngày 23/12/1997 của UBND thành phố về việc cấp GCNQSDĐ; ngày 23/12/1997 UBND thành phố đã cấp GCNQSDĐ số 00402QSDĐ/1147/QĐ-UB cho hộ ông Phạm C được QSD 2.449,8m² đất tại xã N, thành phố Q gồm 03 thửa đất: thửa 163, diện tích 561,3m² đất 2L; thửa 238, diện tích 964,5m² đất 2L; thửa 164, diện tích 924,0m² đất M thuộc tờ bản đồ số 64. Ngày 04/6/2018, ông Phạm C nộp đơn đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và được UBND phường N xác nhận nguồn gốc sử dụng đất: Đất do ông bà khai hoang xây dựng nhà ở vào trước năm 1980 cho lại cha mẹ ông C (không có giấy tờ), sau đó cha mẹ cho lại vợ chồng ông C vào trước ngày 15/10/1993 (không có giấy tờ) và sử dụng đến nay. Thửa đất đề nghị cấp GCN đã được Nhà nước giao quyền đủ hạn mức và chưa được cấp GCN đất ở, không thuộc đất lấn chiếm đất công ích do UBND phường quản lý. Theo phiếu lấy ý kiến của Khu dân cư về nguồn gốc đất do UBND phường N lập ngày 24/6/2018. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh Q lập ngày 08/6/2018.

Căn cứ nguồn gốc đất và diện tích đo đạc hiện trạng, Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh Q lập phiếu chuyển số 1483/PCTTĐC.VPĐK ngày 02/10/2018 gửi Chi cục thuế thành phố Q và xác định đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ. Ngày 04/10/2018, Chi cục thuế thành phố ban hành Thông báo số LTB1850701-TK0020678/TB-CCT về việc thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và Thông báo số LTB1850701-TK0020681/TB-CCT về việc thông báo nộp tiền sử dụng đất. Ngày 09/10/2018, ông Phạm C đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Trên cơ sở hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh Q; ngày 29/10/2018, UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH04074 tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64, diện tích 200m² đất, trong đó 150m² đất ở và 50m² đất trồng cây hàng năm khác cho ông Phạm C và bà Lê Thị Thúy N. Trên đây là trình tự cấp GCNQSDĐ số 00402QSDĐ/1147/QĐ-UB cho hộ ông Phạm C được quyền sử dụng 2.449,8m² đất tại xã N, thành phố Q gồm 03 thửa đất: thửa 163, diện tích 561,3m² đất 2L; thửa 238, diện tích 964,5m² đất 2L; thửa 164, diện tích 924,0m² đất M thuộc tờ bản đồ số 64 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04074 tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64, diện tích 200m² đất trong đó 150m² đất ở và 50m² đất trồng cây hàng năm khác cho ông Phạm C và bà Lê Thị Thúy N. Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64 đã được UBND thành phố cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04074 ngày 29/10/2018 và số 00402 QSDĐ/1147/QĐ-UB ngày 23/12/1997 cho ông Phạm C và bà Lê Thị Thúy N là đúng theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thúy N trình bày:

Bà Lê Thị Thúy N vợ ông Phạm C bà thống nhất với trình bày của chồng là ông Phạm C, bà không bổ sung hay yêu cầu nào thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Trà M trình bày:

Bà Phạm Thị Trà M là con ông Phạm C bà thống nhất với trình bày của cha là ông Phạm C bà không bổ sung hay yêu cầu nào thêm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HC- ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại ngày 11/11/2011.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm C; Cư trú tại: Tổ 17, khu vực 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/9/2022, người khởi kiện ông Phạm C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm C do ông Nguyễn Ngọc K là người đại diện theo uỷ quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Ngọc K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C, hủy Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C để bảo vệ quyền lợi cho ông Phạm C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND tỉnh Bình Định và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Nguyên thửa đất số 226, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.720m² tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định) là của ông Phạm Viết T (ông cố nội của ông Phạm C) được Ty điền địa Bình Định cấp chứng thư kiến điền vào ngày 20/8/1963. Ông T chết để lại cho ông Phạm H (cha của ông Phạm C). Ông H chết để lại cho ông Phạm C sử dụng. Hộ gia đình ông Phạm C là hộ nông nghiệp nên được UBND thành phố Q xét cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00402QSDD/1147/QĐ-UB ngày 23/12/1997 với diện tích 2.449,8m², bao gồm 3 thửa đất: thửa đất số 163, tờ bản đồ số 64, diện tích 561,3m², mục đích sử dụng 2 lúa; thửa đất số 238, tờ bản đồ số 64, diện tích 964,5m², mục đích sử dụng 2 lúa; thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64, diện tích 924m², mục đích sử dụng đất màu, nhưng thực tế trên thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64 có ngôi nhà của ông

Phạm C. Do có sự nhầm lẫn trong quá trình biên tập đã ghi sai về diện tích và loại đất nên các cơ quan chức năng tổ chức làm việc với ông Phạm C vào ngày 20/4/2018. Sau khi thống nhất với ông Phạm C, ngày 18/5/2018, UBND thành phố Q đã điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm C được sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64 từ diện tích 924m² loại đất màu thành 1.724m² loại đất vườn; đồng thời gia đình ông Phạm C được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04074 ngày 29/10/2018 đối với diện tích còn lại 200m² của thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64, trong đó 150m² đất ở (diện tích thực tế đã xây dựng là 133,3m²) và 50m² đất trồng cây hàng năm khác.

Thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở xã hội phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, hộ ông Phạm C bị thu hồi thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64 được UBND phường N xác nhận nguồn gốc tại văn bản số 297/UBND-ĐC ngày 22/10/2019 như sau: Theo hồ sơ kỹ thuật đo đạc năm 1977 có thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64, diện tích 1.924,8m² do ông Phạm C đứng tên chủ sử dụng. Theo hồ sơ kỹ thuật đo đạc hiện trạng năm 2019, thửa đất số 164, tờ bản đồ chỉnh lý số 01 (Bản đồ địa chính tờ số 64) loại đất ODT + BHK. Tổng diện tích 1.924,4m² hộ thuộc diện giải tỏa trắng về đất ở, nhà ở (trên thửa đất này có ngôi nhà của ông Phạm C) được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 04074 ngày 29/10/2018 (trong đó 150m² đất ở và 50m² đất trồng cây hàng năm khác) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00402QSĐĐ/1147/QĐ-UB ngày 23/12/1997 (trong đó thửa đất số 164, tờ bản đồ số 64 ghi nhận 1.724m² diện tích đất vườn thừa). Căn cứ xác nhận nguồn gốc đất nói trên của UBND phường N, ngày 23/9/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành quyết định số 3926/QĐ-UBND phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm C, bà Lê Thị Thuý N. Trong đó có bồi thường 150m² đất ở. Không đồng ý với việc bồi thường nêu trên, ông Phạm C có đơn khiếu nại yêu cầu tính toán bồi thường toàn bộ đất ở cho hộ gia đình ông theo chứng thư kiến diện. Ngày 29/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1527/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm C có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm C.

3. Như vậy, mặc dầu nguồn gốc đất trước đây thể hiện là đất thổ cư, nhưng khi được UBND thành phố Q cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và hộ ông Phạm C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hộ ông Phạm C đồng ý, không có khiếu nại gì. Do đó, việc ông Phạm C yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi cho hộ gia đình ông là đất ở là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

4. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Phạm C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông Phạm C là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 29, 30, 32, 116, 157, 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Phạm C yêu cầu huỷ Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm C; cư trú tại: Tổ 17, khu vực 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí : Miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (Vụ GDKT III);
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm